SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG THPT TỨ KIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM: 2025

(Kèm theo thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Phường Cai Lậy, ngày 20 tháng 11 năm 2025

I.THÔNG TIN CHUNG [2]

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Tứ Kiệt

2. Địa chỉ: số 217, Quốc lộ 1, Khu phố 3A, Phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 02733829038

Email: c3tukiet.tiengiang@tiengiang.edu.vn

Website: http://tukiet.tiengiang.edu.vn

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Phổ thông công lập

Cơ quan quản lí tực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu:

❖ **Sứ mạng:**

Xây dựng môi trường học tập thân thiện; kỷ cương; phát huy phẩm chất năng lực của học sinh; đào tạo học sinh thành người tử tế, thích ứng tốt khi vào đời.

❖ **Hệ thống giá trị cơ bản, cốt lõi:**

- Nhân ái; trung thực; trách nhiệm và sáng tạo.

- Hợp tác, chia sẻ - Đoàn kết, dân chủ.

- Kỷ cương, nền nếp - Truyền thống, hội nhập.

Phương châm hành động: chất lượng giáo dục là uy tín và danh dự của nhà trường.

Tầm nhìn:

Là trường mà học sinh lựa chọn học tập và rèn luyện; Nơi giáo viên và học sinh luôn tự hào và có khát vọng vươn tới sánh vai với các trường trọng điểm trong tỉnh và đạt chuẩn quốc gia.

Mục tiêu:

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

Hoàn thành mục tiêu nâng cấp độ trường chuẩn quốc gia trước năm 2025.

Quan tâm giáo dục đạo đức học sinh. Giáo dục và giảng dạy cho học sinh nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản của tất cả các môn học phổ thông. Biết cách giải quyết các vấn đề một cách độc lập, sáng tạo; biết cách học và tự học. Có ý thức tự giác, thật thà, thân thiện, hòa nhập và chia sẻ. Có phong cách và lối sống đẹp phù hợp với truyền thống dân tộc và hiện đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

- Trường THPT Tứ Kiệt được thành lập từ năm tại 1958 tại Cai Lậy, Tiền Giang nay là Phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp với tên đầu tiên là trường Bán công Tứ Kiệt.

Niên học 1958–1959 một nhóm nhà giáo vốn có tâm huyết với ngành Giáo dục đã lập ra cơ sở bán công đầu tiên ở Cai Lậy lấy tên bốn vị anh hùng chống Pháp ở địa phương. Đó là Trường Bán công Tứ Kiệt.

Cơ sở đầu tiên của trường vốn là một bệnh viện Tây ở khoảng giữa đầu cầu đúc Cai Lậy và nhà máy nước được sửa sang lại, nay thuộc khu phố II, thị trấn Cai Lậy. Trường có tất cả 4 phòng, bố trí thành 3 phòng học và 1 làm văn phòng. Khóa đầu gồm 3 lớp Đệ thất với hơn 180 học sinh do Thầy Huỳnh Văn Ngọc làm Hiệu trưởng. Phần lớn giáo viên được thỉnh giảng từ các trường khác đến giảng dạy, chủ yếu ở TP.Mỹ Tho và Tỉnh Vĩnh Long.

Năm 1961 học sinh học từ lớp đệ thất (lớp 6) đến lớp đệ tứ (lớp 9) tăng nên trường xây thêm 2 phòng học.

Năm 1964 Thầy Ngọc về hưu, Thầy Nguyễn Văn Đáng được điều về làm Hiệu trưởng. Năm này trường có 5 lớp: 02 lớp 6, 01 lớp 7, 01 lớp 8 và 01 lớp 9.

Năm 1967 Thầy Mai Văn Bôi được cử giữ chức vụ Hiệu trưởng thay cho Thầy Nguyễn Văn Đáng chuyển công tác.

Năm 1968 Thầy Vũ Ngữ đảm nhiệm chức vụ Hiệu trưởng. Năm này trường mở rộng thêm để dạy các lớp 10,11,12. Lúc bấy giờ giáo viên cơ hữu của trường vẫn rất ít, trường phải tiếp tục thỉnh giảng từ các trường khác. Đa số là giáo viên giỏi, học trò có một số "vượt tuổi" nhưng đều rất ngoan và chăm học.

Năm 1975, trường sát nhập với trường trung học Đốc Binh Kiều, cơ sở giao lại cho Ty Giáo dục tỉnh Mỹ Tho và sau này là Phòng Giáo dục huyện Cai Lậy.

Sau năm 1975, do không còn hệ bán công, trường thành trường bổ túc công nông. Điểm đặt đầu tiên là Chi nhánh của Trường trung học Đốc Binh Kiều nằm ở đường vào chợ cũ Cai Lậy. Hiệu trưởng là ông Đinh Văn Khang. Trường dạy từ lớp 5 đến lớp 9. Học sinh một số là cán bộ xã, huyện, còn lại là con em diện chính sách. Học sinh có học bổng và hàng tháng được nhận một số mặt hàng nhu yếu phẩm. Cán bộ, giáo viên của trường được bổ sung thêm. Hiệu trưởng mới là Thầy Trần Văn Thiện, rồi đến Thầy Lê Trang Phương và Thầy Trần Văn Hoai. Đến năm 1981 Hiệu trưởng là cô Nguyễn Thị Bảy. Năm 1982, trường mở thêm lớp 10 bổ túc và xóa bỏ các lớp cấp I. Học sinh phần đông thuộc diện qui hoạch nên học tập với tinh thần nghiêm túc, tình cảm gắn bó giữa người dạy và người học rất cao. Do nhu cầu công tác, cô Bảy chuyển sang Phòng Giáo dục, Thầy Võ Công Bá về làm Hiệu trưởng, đồng thời sát nhập với hệ Bổ túc dân chính ban đêm. Dù có thêm một số giáo viên tốt nghiệp Đại học được bổ về nhưng trường vẫn phải nhận sự chi viện giáo viên từ trường cấp III Đốc Binh Kiều cho đến năm 1988.

Năm 1989, Thầy Võ Công Bá chuyển công tác về Phòng Giáo dục Cai Lậy, cô Trần Thị Bé được điều động giữ chức vụ Hiệu trưởng. Lúc này trường dời xuống Tịnh xá Ngọc Huệ, cũng là một chi nhánh của Trường Đốc Binh Kiều. Với nhiệm vụ mới, trường đổi tên là Trường Bán công Cai Lậy hoạt động theo quy chế của hệ thống trường ngoài công lập. Một số phòng học được sửa

sang và xây dựng thêm, trường nhận thêm lớp 12 hệ B của Trường Đốc Binh Kiều chuyển sang. Các lớp cấp II chuyển sang hệ B của cấp II Trường Trừ Văn Thố. Những năm này học sinh cuối cấp thi tốt nghiệp đạt kết quả không kém gì các trường công lập trong Huyện.

Năm 1991, Huyện thành lập trường Chuyên cùng cơ sở vật chất với trường bán công Cai Lậy. Năm 1992, trường chuyển sang địa điểm mới tại Khu 7 với 250 học sinh 3 khối 10, 11, 12. Cơ sở này đang xuống cấp trầm trọng lại ở sát nhà dân, không có vị trí phát triển. Năm này theo nhu cầu trường nhận lại các lớp cấp II hệ B của Trường cấp II Trừ Văn Thố chuyển sang. Năm 1993, trường có 15 lớp 483 học sinh. Cô Trần Thị Bé chuyển công tác, Thầy Ngô Văn Lợi được điều lên giữ chức vụ Hiệu trưởng. Số học sinh hàng năm tăng dần, trường không đủ phòng học để đáp ứng nên học sinh cấp II chuyển lại cho Trường Trừ Văn Thố và phải mở thêm cơ sở 2 tại ấp Mỹ Cần, xã Nhị Mỹ với 4 phòng học và 1 văn phòng. Lúc này trường đã có đến 20 lớp, 1012 học sinh. Giáo viên ở những năm này thiếu trầm trọng lại phải đảm đương hai cơ sở nên việc bố trí nhân sự gặp nhiều khó khăn, phần lớn là thỉnh giảng. Năm 1996, trường chuyển hẳn về vị trí hiện nay với 22 lớp 1076 học sinh.

Do Huyện Cai Lậy chỉ có một trường THPT hệ bán công duy nhất nên một số cựu học sinh trường Bán công Tứ Kiệt đề nghị trường mang lại tên cũ. Theo nguyện vọng chính đáng này, năm 1998 trường chính thức mang tên trường THPT bán công Tứ Kiệt. Nhiệm vụ đặt ra cho nhà trường trong những năm này là góp phần xã hội hóa giáo dục, nâng mặt bằng dân trí ở địa phương. Năm học 1997 – 1998 trường có 1329 học sinh 23 lớp nhưng sang năm học 1998 – 1999 trường có 32 lớp. Năm 1999 thầy Lợi chuyển công tác, Thầy Phan Tấn Chí đảm nhiệm chức vụ Hiệu trưởng. Số lớp tăng trong khi trường có chưa đến 20 giáo viên cơ hữu, phải thỉnh giảng từ các trường trong Huyện và Huyện lân cận. Năm 2000 trường được mở rộng. Thời gian xây dựng từ 2000 đến 2005 số lớp vẫn tiếp tục tăng lên, cao điểm là 1864 học sinh, 38 lớp vào năm 2002–2003.

Năm 2008 trường chuyển sang hệ công lập với tên trường THPT Tứ Kiệt. Thầy Phan Tấn Chí được điều động về trường cán bộ quản lý giáo dục TP.HCM. Thầy Phan Công Triều đảm nhiệm chức vụ hiệu trưởng, từ đây nhà trường có nhiều thuận lợi hơn, học sinh có thi tuyển đầu vào. Điểm nổi bật là trường, lớp, khuôn viên khang trang xanh sạch đẹp. Lực lượng giáo viên ổn định đáp ứng yêu cầu dạy và học, trang thiết bị được cung cấp và bổ sung thường xuyên, giáo viên tích cực học tập nâng cao trình độ, ứng dụng công nghệ thông tin để đổi mới phương pháp dạy học. Tỷ lệ học sinh đậu các trường Đại học – Cao đẳng hàng năm tăng dần. Các hoạt động giáo dục, phong trào Văn –Thể – Mỹ có nhiều nét nổi bật. Hoạt động giáo dục truyền thống được chú trọng đặc biệt là việc xây dựng "*Văn hóa trường Tứ Kiệt*" với khẩu hiệu "*Thầy mẫu mực – Trò chăm ngoan*" được duy trì khá tốt tạo môi trường giáo dục thân thiện. Trên bước đường hội nhập và phát triển, phát huy những nét truyền thống quý báu của một ngôi trường có bền dày trên 50 năm lịch sử, những thế hệ học trò đã trưởng thành trên nhiều lĩnh vực. Với tầm nhìn chiến lược, sự năng động sáng tạo của

Ban Giám Hiệu và đội ngũ thầy cô giáo. Trường THPT Tứ Kiệt sẽ không ngừng phát triển đáp ứng nhu cầu nhân lực cho xã hội, xứng đáng với ngôi trường mang tên "Tứ Kiệt anh hùng".

Danh sách hiệu trưởng qua các thời kỳ:

Từ năm 1958 -1964: Thầy Huỳnh Văn Ngọc

Từ năm 1964 -1967: Thầy Nguyễn Văn Đáng

Từ năm 1967 -1968: Thầy Mai văn Bôi

Từ năm 1968 -1975: Thầy Vũ Ngữ

Từ năm 1975 -1981: Thầy Đinh Văn Khang, Thầy Trần Văn Thiện, Thầy Lê Trang Phương, Thầy Trần Văn Hoai

Từ năm 1981 -1982: Cô Nguyễn Thị Bảy

Từ năm 1989 -1993: Thầy Võ Công Bá

Từ năm 1993 -1999: Thầy Ngô Văn Lợi

Từ năm 1999 2009: Thầy Phan Tấn Chí

Từ năm 2009 -2017: Thầy Phan Công Triều

Từ năm 2017 - nay: Thầy Phạm Văn Nghĩa

- Sau gần 67 năm xây dựng và phát triển trường THPT Tứ Kiệt đã và đang từng bước khẳng định vị thế tầm vóc của mình.

- Trường THPT Tứ Kiệt được thành lập theo Quyết định số 2726/QĐ-UBND ngày 5/9/2008 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc chuyển đổi trường THPT bán công Tứ Kiệt thành trường THPT Tứ Kiệt.

- Địa chỉ: số 217, Quốc lộ 1, khu phố 3A, Phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp.

- Trường là cơ sở giáo dục THPT công lập, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động và thực hiện tự chủ tài chính theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Phạm Văn Nghĩa

- Địa chỉ nơi làm việc: số 217, Quốc lộ 1, khu phố 3A, Phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp.

- Số điện thoại: 02733.829038

- Địa chỉ email: c3tukiet.tiengiang@tiengiang.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường:

Quyết định số 2726/QĐ-UBND ngày 05/9/2008 của UBND tỉnh Tiền Giang 2008 về việc chuyển đổi trường THPT bán công Tứ Kiệt thành trường THPT Tứ Kiệt.

b) Hội đồng trường:

Quyết định công nhận Hội đồng trường: Quyết định số: 850/QĐ-SGDĐT ngày 01/12/2020 về việc thành lập Hội đồng trường của Trường THPT Tứ Kiệt.

Danh sách thành viên Hội đồng trường:

1. Ông Phạm Văn Nghĩa, Hiệu trưởng kiêm Bí thư chi bộ
2. Bà Võ Thị Búp, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Cai Lậy;
3. Bà Nguyễn Thị Gọn, Chủ tịch Công đoàn cơ sở;
4. Ông Trần Minh Trung, Bí thư Đoàn trường;
5. Bà Lê Phúc Loan, Tổ trưởng Tổ Văn phòng;
6. Bà Lê Thanh Xuân, Tổ trưởng Tổ Ngữ văn – Giáo dục công dân;
7. Ông Nguyễn Tuy Phong, Tổ trưởng Tổ Vật lý - Kỹ thuật;
8. Ông Nguyễn Thanh Tùng, Tổ trưởng Tổ Toán - Tin học;
9. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung, Tổ trưởng Tổ Tiếng Anh;
10. Ông Nguyễn Thanh Đạm, Tổ trưởng Tổ Lịch sử - Địa lý;
11. Ông Nguyễn Thanh Châu, Tổ trưởng Tổ Thể dục - Quốc phòng;
12. Ông Trần Văn Tiến, Trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh;
13. Học sinh Đặng Thanh Ngân, lớp 11A9, đại diện học sinh.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng:

Quyết định số 337/QĐ-SGDĐT ngày 26/5/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Tiền Giang về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý ông Phạm Văn Nghĩa giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường THPT Tứ Kiệt.

d) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Phó Hiệu trưởng:

Quyết định số 596/QĐ-SGDĐT ngày 08/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Tiền Giang về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý cho ông Dương Thanh Phương giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THPT Tứ Kiệt.

Quyết định số 259/QĐ-SGDĐT ngày 17/4/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Tiền Giang về việc bổ nhiệm viên chức quản lý Bà Lê Thanh Xuân giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THPT Tứ Kiệt.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030: văn bản chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030 được Giám đốc Sở Giáo dục và

Đào tạo Tiền Giang phê duyệt theo văn bản số 1159/SGDĐT-KHTC ngày 05 tháng 08 năm 2022.

Quy chế dân chủ ở cơ sở: Quyết định số 216/QĐ-THPTTK ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng THPT Tứ Kiệt về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường THPT Tứ Kiệt.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN [3]

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

STT	TÊNVỊ TRÍ VIỆC LÀM	SỐ LƯỢNG		TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO						GHI CHÚ
		VIÊN CHỨC	HĐLĐ theo NĐ111	TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	
I.	**Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý**									
1.1	Hiệu trưởng	1				1				
1.2	Phó Hiệu trưởng	2				2				
II.	**Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành**									
2.1	Giáo viên THPT hạng I									
2.2	Giáo viên THPT hạng II	3				3				
2.3	Giáo viên THPT hạng III	57			10	47				
2.4	Thiết bị, thí nghiệm									
2.5	Giáo vụ									
2.6	Tư vấn học sinh									
2.7	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật									
III.	**VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung**									
3.1	Thư viện hạng I									
3.2	Thư viện hạng II									
3.3	Thư viện hạng III					1				
3.4	Thư viện hạng IV									
3.5	Công nghệ thông hạng II									
3.5	Công nghệ thông hạng III					1				

STT	TÊNVỊ TRÍ VIỆC LÀM	SỐ LƯỢNG		TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO						GHI CHÚ
		VIÊN CHỨC	HĐLĐ theo NĐ111	TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	
3.7	Công nghệ thông hạng IV									
3.8	Kế toán viên chính									
3.9	Kế toán viên					1				
3.10	Kế toán viên trung cấp									
3.11	Chuyên viên thủ quỹ									
3.12	Cán sự thủ quỹ									
3.13	Nhân viên thủ qũy									
3.14	Văn thư viên chính									
3.15	Văn thư viên									
3.16	Văn thư viên trung cấp						1			
3.17	Y tế học đường							1		
IV	**VTVL hỗ trợ, phục vụ**									
4.1	Nhân viên Bảo vệ		2			1			1	
4.2	Nhân viên phục vụ		1						1	
4.3	Nhân viên hỗ trợ Quản lí học sinh									

2. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lí đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

TT	CBQL, Giáo viên	Chuẩn nghề nghiệp								Ghi chú
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	
1	Cán bộ quản lí	3	100%							
2	Giáo viên	57	100%							

3. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định:

TT	CBQL, giáo viên, nhân viên	Bồi dưỡng hàng năm				Ghi chú
		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	
1	Cán bộ quản lí	3	100%			
2	Giáo viên	57	100%			
3	Nhân viên	5	100%			

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT [4]

1. Diện tích khu đất xây dựng trường: 18.301,8 m^2

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: thấp hơn so với yêu cầu diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh theo quy định (Quy định 10 m^2/ học sinh).

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị:

- Phòng Hiệu trưởng: 01
- Phòng Phó Hiệu trưởng, văn phòng, tiếp dân: 02
- Phòng học vụ thí vụ: 01
- Phòng công đoàn: 01
- Phòng đợi giờ: 01
- Phòng tài vụ: 01
- Phòng y tế: 01
- Phòng kho: 01

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: đạt yêu cầu

3. Số lượng, hạng mục khối phòng học tập:

- Phòng học: 33
- Phòng bộ môn Sinh: 01
- Phòng bộ môn Hóa: 02
- Phòng bộ môn Vật lí: 02
- Phòng bộ môn Tin: 02
- Phòng tiếng Anh : 02
- Phòng công nghệ: 01
- Phòng Âm nhạc: 01
- Phòng Mỹ Thuật: 01
- Phòng tổ chức chuyên môn: 01
- Phòng khoa học xã hội: 01

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: đạt yêu cầu

4. Số lượng, hạng mục khối phòng hỗ trợ học tập:

- Thư viện: 01
- Phòng thiết bị giáo dục: 01
- Phòng tư vấn học đường: 01
- Phòng truyền thống: 01
- Phòng Đoàn Thanh niên: 01

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: đạt yêu cầu.

5. Số lượng, hạng mục khối phụ trợ:

- Phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường: 01
- Nhà kho: 01
- Khu để xe học sinh: 02
- Khu vệ sinh học sinh: 07
- Cổng, hàng rào: 03

6. Số lượng, hạng mục khu sân chơi, thể dục thể thao:

- Số lượng sân chơi chung: 01
- Sân thể dục thể thao: 01

7. Số lượng, hạng mục khối phục vụ sinh hoạt:

- Nhà bếp: 0
- Kho bếp: 0
- Nhà ăn căn tin: 01

8. Số lượng, hạng mục hạ tầng kỹ thuật:

- Hệ thống cấp nước sạch: 01
- Hệ thống cấp điện: 02
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: 01
- Hạ tầng thông tin, liên lạc: trang bị hệ thống Wifi và camera phủ khắp các khu vực cần thiết
- Khu thu gom rác thải: hợp đồng thu gom rác với Công ty công trình đô thị thị xã Cai Lậy.

9. Số thiết bị dạy học hiện có:

- Thiết bị dạy học được trang bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: đang chờ Sở GDĐT cấp theo danh mục chương trình GDPT 2018.
- Các phòng học môn được trang bị đầy đủ bàn, ghế, hệ thống điện, nước, hệ thống quạt, thông gió, các thiết bị hỗ trợ khác và thiết bị dạy học, học liệu: 33 phòng

10. Danh mục sách giáo khoa sử dụng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 12, Tập 1 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
2	Ngữ văn 12, Tập 2 (Chân trời sáng tạo)	
3	Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 (Chân trời sáng tạo)	
4	Toán 12, Tập 1 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
5	Toán 12, Tập 2 (Chân trời sáng tạo)	
6	Chuyên đề học tập Toán 12 (Chân trời sáng tạo)	
7	Tiếng Anh 12 - Global Success (Kết nối tri thức)	Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 12 Bóng chuyền (Kết nối tri thức)	Giáo dục Việt Nam

TT	Tên sách	Nhà xuất bản
9	Giáo dục thể chất 12 - Bóng rổ (Kết nối tri thức)	Giáo dục Việt Nam
10	Giáo dục thể chất 12 - Bóng đá (Kết nối tri thức)	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 12 - Cầu lông (Kết nối tri thức)	Giáo dục Việt Nam
12	Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
13	CĐHT Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
14	***Lịch sử 12 (Chân trời sáng tạo)***	Giáo dục Việt Nam
15	***Chuyên đề học tập Lịch sử 12 (Chân trời sáng tạo)***	Giáo dục Việt Nam
16	Địa lí 12 (Chân trời sáng tạo)	Đại học sư phạm
17	Chuyên đề học tập Địa lí 12 (Chân trời sáng tạo)	Đại học sư phạm
18	Vật lý 12 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
19	Chuyên đề học Vật lý 12 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
20	Hóa học 12 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
21	Chuyên đề học tập Hóa học 12 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
22	Sinh học 12 (Chân trời sáng tạo)	Giáo dục Việt Nam
23	CĐ học tập Sinh học 12 (Chân trời sáng tạo)	Đại học Huế
24	Tin học 12 - Định hướng Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Giáo dục Việt Nam
25	Chuyên đề học tậpCĐHT Tin học 12 - Định hướng Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Giáo dục Việt Nam
26	Công nghệ 12 Lâm nghiệp - Thủy sản (Cánh Diều)	Đại học Huế
27	Chuyên đề học tập Công nghệ 12 Lâm nghiệp - Thủy sản (Cánh diều)	Đại học Huế

TT	Tên sách	Nhà xuất bản
28	Công nghệ 12 Điện - Điện tử (Kết nối tri thức)	Giáo dục Việt Nam
29	Chuyên đề học tập Công nghệ 12 _ Điện - Điện tử (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Giáo dục Việt Nam
30	Hoạt động Trải nghiệm – Hướng nghiệp 12 (Chân trời sáng tạo 2)	Giáo dục Việt Nam
31	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 12	Đại học Huế

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC [5]

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng tự đánh giá:

- Thực hiện chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp, việc kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục là cần thiết và quan trọng trong quá trình quản lí và phát triển giáo dục hiện nay. Trường THPT Tứ Kiệt đã tự đánh giá chất lượng giáo dục cơ sở từ năm học 2022-2023. Nhận thức được ý nghĩa của hoạt động tự đánh giá, nhà trường thấy đây là cơ hội để tự đánh giá quá trình quản lý, điều hành và kết quả của nhà trường trong nhiều năm qua và đồng thời được đánh giá bởi Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian:

Trường được công nhận kiểm định chất lượng cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia mức 1 vào năm 2024.

3. Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm và hằng năm

- Trong những năm qua nhà trường đã thực hiện nhiều biện pháp cải tiến chất lượng sau khi được đánh giá ngoài. Kế hoạch cải tiến bao gồm việc tập trung vào nâng cao năng lực giảng dạy của giáo viên, cải thiện cơ sở vật chất và đổi mới các phương pháp giảng dạy. Hằng năm, nhà trường đều tiến hành đánh giá lại kết quả thực hiện, điều chỉnh và bổ sung kế hoạch để đảm bảo các mục tiêu đề ra được hoàn thành. Những nỗ lực này đã mang lại kết quả đáng kể, với chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC[6]

Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024-2025

Kết quả tuyển sinh năm học 2024-2025:

STT	Nội dung	Tuyển sinh 10
1	Điều kiện tuyển sinh	Thực hiện theo quy định của Sở GDĐT Tiền Giang
2	Số lớp	12

Thống kê số lượng:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
1	Tổng số học sinh theo từng khối	1329	**516**	**407**	**406**
2	Số học sinh bình quân/ lớp theo từng khối	41.59	43	40.7	40,6
3	Số lượng học sinh học 2 buổi/ ngày	0	0	0	0
4	Số học sinh nam/ số học sinh nữ	**650/681**	**248/268**	**195/212**	**206/200**
5	Số học sinh dân tộc thiểu số	3	3	1	4
6	Số học sinh khuyết tật	4	0	1	3
7	Chuyển trường đến/đi (tỉ lệ so với tổng số)				

Thống kê kết quả đánh giá học sinh:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm / kết quả rèn luyện**	**1329**	**428**	**432**	**404**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1271 (95.64%)	500 (96.90%)	384 (94.35%)	387 (95.32%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	54 (4.06%)	15 (2.91%)	23 (5.65%)	16 (3.94%)
3	Trung bình/ Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	3 (0.23%)	0	0	3 (0.74%)
4	Yếu/ Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	01 (0%)	01 (0.19%)	0 (0%)	0 (0%)
II	**Số học sinh chia theo học lực / kết quả học tập**	**1329**	**516**	**407**	**406**
1	Giỏi/ Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	707 (53.20%)	224 (43.41%)	177 (43.49%)	306 (75.37%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	525	234	198	93

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
		(39.5%)	(45.35%)	(48.65%)	(22.91%)
3	Trung bình/ Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	96 (7.22%)	58 (11.24%)	31 (7.62%)	7 (1.72%)
4	Yếu/ Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.08%)	0	1 (0.25%)	
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	1329	516	407	406
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1328 (99.92%)	515 (99.80%)	407 (100%)	406 (100%)
2	Học sinh giỏi/ xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	707 (53.20%)	224 (43.41%)	177 (43.49%)	306 (75.37%)
3	Học sinh tiên tiến / giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	525 (39.5%)	234 (45.35%)	198 (48.65%)	93 (22.91%)
4	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	02	01	01	0
5	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	02 (0.15%)	1 (0.19%)	1 (0.24%)	0
IV	**Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình**				
V	**Số học sinh dự thi tốt nghiệp**	405	/	/	405
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	403 (99.50%)	/	/	403 (99.50%)

Kết quả tuyển sinh năm học 2025-2026:

a

STT	Nội dung	Tuyển sinh 10
1	Điều kiện tuyển sinh	Thực hiện theo quy định của Sở GDĐT Đồng Tháp
2	Số lớp	05

Thống kê số lượng:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
1	Tổng số học sinh theo từng khối	1101	183	517	401
2	Số học sinh bình quân/ lớp theo từng khối	40.77	36.6	43.08	40.1
3	Số lượng học sinh học 2 buổi/ ngày	0	0	0	0
4	Số học sinh nam/ số học sinh nữ	531/570	91/92	248/269	192/209
5	Số học sinh dân tộc thiểu số	3	1	2	0
6	Số học sinh khuyết tật	0	1	2	0
7	Chuyển trường đến/đi (tỉ lệ so với tổng số)				

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH [7]

Thực hiện báo cáo theo quy định tài chính theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC [8]

Hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng và giáo dục đạo đức lối sống cho HS; hoạt động Ngoài giờ lên lớp, Ngoại khóa, Trải nghiệm, Hướng nghiệp và Đoàn Thanh niên…

Hoạt động giáo dục Chính trị tư tưởng và giáo dục đạo đức lối sống:

- Trong năm học 2024-2025, nhà trường đã chú trọng đến tình hình chính trị, tư tưởng, tâm tư và nguyện vọng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Nhà trường kịp thời phát hiện và giải quyết các vấn đề chính trị, tư tưởng và khó khăn để đảm bảo sự đoàn kết và thống nhất.

- Nhà trường tập trung vào giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật và ý thức công dân cho cả đội ngũ cán bộ và học sinh. Trong năm học này, trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch thúc đẩy học tập và thực hiện tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, góp phần tạo nên một môi trường giáo dục chất lượng và phát triển toàn diện cho học sinh, tuyên dương "Người tốt – Việc tốt".

- Tổ chức triển khai Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh gắn với phong trào thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của phường Cai Lậy gắn với đặc thù của ngành: 100% chi đoàn học sinh và chi đoàn giáo viên tham gia tổ chức sinh

hoạt, quán triệt tư tưởng Nghị quyết Đại hội TW Đảng khóa XIII và nghị quyết Đại hội đại biểu đoàn thanh niên các cấp gắn việc thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW.

- Phối hợp với các tổ chuyên môn, đoàn thể khi tổ chức các hoạt động để đăng tải thông tin kịp thời các chuyên mục, hình ảnh, video clip tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng đối với học sinh trên mạng xã hội; liên kết thông tin từ cổng thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Học sinh tham gia tìm hiểu, chăm sóc và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa, các mạng ở địa phương: Nhà trường có xây kế hoạch cho việc giáo dục truyền thống, lịch sử, văn hóa dân tộc.

- Lãnh đạo nhà trường thường xuyên kiểm tra giám sát các vấn đề học sinh phản ánh. Đảm bảo thực hiện công tác đối thoại 2 lần/ năm học với thành phần tham dự là đại diện học sinh toàn trường.

- Tổ chức phổ biến kịp thời, thường xuyên các quy định pháp luật mới về giáo dục và các quy định pháp luật phù hợp với từng đối tượng thuộc phạm vi quản lí; tiếp tục tuyên truyền, phổ biến Luật giáo dục 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật; Luật giao thông và các quy định về an toàn giao thông, 100% học sinh thực hiện đăng kí cam kết nghiêm chỉnh chấp hành Luật giao thông và các quy định về an toàn giao thông.

- Tổ chức cho học sinh trải nghiệm về công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

- Tổ chức học tập và kết nạp Đảng cho đoàn viên học sinh.

- Nhà trường đã bồi dưỡng cảm tình Đảng cho 03 em học sinh lớp 12 năm học 2023-2024 có thành tích học tập tốt và tích cực trong các hoạt động. Năm học 2024-2025 xét kết nạp vào Đảng cho 01 học sinh.

Nhận xét: Trong bất cứ giai đoạn lịch sử nào, thanh niên, học sinh cũng là lực lượng xã hội quan trọng, một trong những nhân tố quyết định cho sự phát triển của đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Để phát huy tốt vai trò đặc biệt quan trọng ấy một cách đầy đủ, thanh niên, học sinh cần được thường xuyên bồi dưỡng và phát triển ý thức chính trị, tư tưởng, đạo đức. Lãnh đạo nhà trường luôn qua tâm, chỉ đạo không ngừng đổi mới, nâng cao công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho học sinh, góp phần xây dựng đội ngũ học sinh học giỏi, vững vàng trong quan điểm, lập trường, có trách nhiệm với xã hội, gia đình và bản thân, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đất nước trong giai đoạn mới.

Hoạt động Trải nghiệm, Hướng nghiệp – Giáo dục ngoài giờ lên lớp

- Trong năm học 2024-2025, nhà trường đã tổ chức những hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khó, phối hợp với môn Giáo dục địa phương để tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế và mang lại hiệu quả cao. Học sinh tham gia vào các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và trải nghiệm "Đất và Người - Văn hóa - Âm nhạc - Nghệ thuật".

- Hoạt động giáo dục địa phương phối hợp hoạt động trải nghiệm: "Lễ Giỗ Tứ Kiệt".

- Ý thức về dân tộc, giá trị văn hóa và tinh thần đoàn kết dân tộc.

- Hoạt động hướng nghiệp: đây là một trong những hoạt động mà nhà trường đặc biệt quan tâm. Từ đầu năm học, nhà trường tiến hành khảo sát nhu cầu, mong muốn của học sinh về các trường đại học có uy tín và được các em học sinh quan tâm nhiều nhất. Từ đó, nhà trường liên hệ và mời các trường đại học đến tư vấn trực tiếp, tư vấn chuyên sâu cho các em học sinh.

Các trường Đại học đã thực hiện chương trình tư vấn trực tiếp cho học sinh: ĐH FPT, ĐH Tôn Đức Thắng, ĐH Công nghiệp TPHCM, ĐH SP Kỹ thuật TP HCM…

Nhận xét: Về hoạt động giáo dục Trải nghiệm, Hướng nghiệp - Giáo dục địa phương - Ngoài giờ lên lớp được tổ chức đa dạng dưới nhiều hình thức đã tạo hứng thú và hữu ích đối với học sinh. Qua việc tham gia các hoạt động trải nghiệm, nhà trường đã xây dựng cho các em một số kỹ năng mềm trong các tập thể, rèn luyện kỹ năng sống cho các em, giúp các em mở rộng kiến thức, được giao lưu, xây dựng tình đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong cuộc sống. Đồng thời tạo điều kiện để các em học sinh có thể tự lập và biết sống có trách nhiệm.

Hoạt động của Đoàn Thanh niên và các câu lạc bộ đội nhóm

- Năm học 2024-2025, tổ chức Đoàn thanh niên đã thực hiện xuất sắc nhiệm vụ được phân công và góp phần quan trọng trong việc giáo dục toàn diện, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kiến thức pháp luật và ý thức công dân cho học sinh; đóng góp tích cực vào sự phát triển của nhà trường và đảm bảo môi trường giáo dục chất lượng cho các em học sinh.

- Nhà trường đã thành lập các CLB chuyên môn và sở thích để học sinh có thể tham gia và phát triển kỹ năng cá nhân. Các CLB tạo điều kiện cho các em học sinh giao lưu, học hỏi và phá huy năng lực sáng tạo. Các CLB đã thu hút nhiều học sinh tham gia qua đó giúp học sinh rèn luyện kỹ năng trong cuộc sống.

Tất cả những hoạt động giáo dục trên đã đóng góp, giúp hình thành và tăng cường nhận thức về đạo đức, tình yêu quê hương, lòng tự hào dân tộc, ý thức công dân và khả năng tham gia vào xã hội của học sinh; đồng thời giúp học sinh phát triển những kỹ năng quan trọng như tư duy phản biện, giao tiếp, lãnh đạo và làm việc nhóm, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển toàn diện của học sinh trong tương lai.

Nơi nhận:
- Sở GDĐT;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG THPT TỨ KIỆT

Phạm Văn Nghĩa

[1] Mẫu báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung của thông tin theo yêu cầu.

[2] Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

[3] Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

[4] Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

[5] Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

[6] Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7; khoản 2, 3 Điều 9; khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

[7] Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

[8] Kết quả thục hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của sở sở giáo dục và của ngành.